

Bản án số: 36/2018/HSST
Ngày 26-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hải Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thuận

2. Bà Phạm Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Anh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/HSST ngày 05/7/2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/HSST-QĐ ngày 13/7/2018 đối với bị cáo:

LÒ VĂN T; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1999, tại Điện Biên;

HKTT và chỗ ở: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12;

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Con ông: Lò Văn C (sinh năm 1978); con bà: Lường Thị M (sinh năm 1977)
– Hiện cùng trú tại: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 18/5/2018.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái - Có mặt.

Bị hại: Anh Quàng Văn T – sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và làm chứng:

- Anh Đặng Duy H – sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 4A, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Quảng Văn T – sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Chí C - sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 7A, phường N, Thành phố Y, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh B – sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2018 Lò Văn T biết anh Quảng Văn T và anh Quảng Văn T2 đi Yên Bái để bán mật ong nên đã xin đi cùng, anh T đồng ý, cả 3 đi từ Thuận Châu, Sơn La bằng xe khách Sơn La – Yên Bái mang theo 2 thùng mật ong, đến chiều thì đến bến xe khách Yên Bái và anh T cũng bán hết 02 thùng mật ong, số tiền thu được là 5.000.000 đồng anh T cất vào ví cùng số tiền mang theo là 1.510.000 đồng và để ví ở túi quần đang mặc. Khoảng 20 giờ cả 3 người vào nhà nghỉ H Thịnh Phát ở gần bến xe Yên Bái, thuê phòng ngủ. Do đã nảy sinh ý định trộm cắp từ khi thấy anh T cất tiền vào ví nên T lợi dụng lúc anh T đi tắm treo quần trên mắc ngoài cửa phòng nhà tắm, anh T2 không để ý nên T đã móc chiếc ví của anh T cho vào túi quần của T đang mặc và nói với anh T2 là T đi ra ngoài để uống nước. Sau khi ra khỏi phòng, T thuê xe ôm của anh Đặng Duy H để ra đường cao tốc Nội- Bài Lào Cai đón ô tô đi Hà Nội. Ngay sau đó anh T phát hiện bị mất ví nên đã báo lễ tân của nhà nghỉ, đồng thời xuống đường hỏi, nhận dạng Lò Văn T, truy đuổi, đến khu vực xã Hợp Minh thì đuổi kịp và bắt giữ được T, lấy lại được chiếc ví trong ví có 6.510.000 đồng, anh T đã lấy 360.000 đồng trong ví để trả tiền xe ôm và giao nộp T cho cơ quan Công an thành phố Yên Bái cùng tang vật là chiếc ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Quảng Văn T, 01 chứng nhận bảo hiểm xe máy và số tiền 6.150.000 đồng

Cơ quan điều tra đã thu giữ và giao trả cho anh Quảng Văn T chiếc ví cùng các giấy tờ và số tiền nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 119/KLGD ngày 22/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Toàn bộ số tiền 6.150.000 đồng là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 43/KSĐT- SH ngày 04/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái đã truy tố: Lò Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng về tội “Trộm cắp tài sản” đối với Lò Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội làm công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng bị thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 17/5/2018 bị cáo Lò Văn T đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của anh Quàng Văn T để chiếm đoạt tài sản gồm 01 chiếc ví giả da màu đen bên trong có giấy chứng minh nhân dân, giấy bảo hiểm xe mô tô của anh T và số tiền 6.510.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong dư luận quần chúng. Do đó cần đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có sức khỏe, có đủ năng lực nhận thức, bị cáo biết hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nh do lòng tham nhất thời bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý chiếm đoạt tài sản. Đây thể hiện sự thiếu ý thức tu dưỡng bản thân và coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo, cách

ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác: Bị hại là anh Quảng Văn T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Đặng Duy H là người lái xe ôm chở T ra đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, qua điều tra anh H không biết việc T trộm cắp tài sản nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy Lò Văn T là người không có nghề nghiệp, không có tài sản, thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối bị cáo.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc ví giả da màu đen; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô mang tên Quảng Văn T; số tiền 6.150.000 đồng cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Quảng Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18-5-2018.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể ngày bản án có hiệu lực bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh; Sở Tư pháp
- VKSTP, THACP, CATP;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có QL, NV liên quan
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Hải Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

